

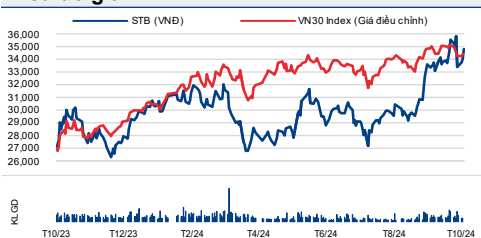
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,200
Tiềm năng tăng/giảm: 6.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	34,800
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	26,300-35,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	34,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	65,606
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,592
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	128
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	ng Dương Công Minh (3.32%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	674,390	745,059	836,262
Dư nợ cho vay (ntđ)	482,731	550,313	621,854
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	26,173	30,087	35,654
Lợi nhuận thuần (ntđ)	7,719	9,314	12,786
BVPS (đồng)	24,259	28,987	35,430
EPS (đồng)	4,094	4,941	6,782
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	10.1	14.0	13.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	0.12	15.0	18.5
Tăng trưởng EPS (%)	53.1	20.7	37.3
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	18.3	18.6	21.1
ROAA (%)	1.22	1.31	1.62
Tỷ lệ NIM (%)	3.77	3.78	3.91
Tỷ lệ CIR (%)	49.2	45.0	42.8
Hệ số CAR (%)	9.27	9.21	9.44
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.28	1.90	1.60
LLR/nợ xấu (%)	68.8	69.1	76.8
Hệ số LDR (%)	94.5	95.8	96.2
P/B (lần)	1.43	1.20	0.98
P/E (lần)	8.50	7.04	5.13
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q3/2024: LNTT tăng 32%, thấp hơn một chút so với dự báo

- STB công bố KQKD Q3/2024 vững chắc với LNTT đạt 2.752 tỷ đồng (tăng 32%) nhờ thu nhập lãi thuần tăng mạnh (tăng 31%) mặc dù thu nhập ngoài lãi giảm 19% & chi phí dự phòng tăng 45%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT tăng 18%, bằng 70% dự báo cả năm 2024 và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng vẫn tăng trưởng ổn định 8,9% kể từ đầu năm (tăng 1,8% so với quý trước) và tỷ lệ NIM vẫn ổn định ở mức 3,65%. Tỷ lệ nợ xấu ổn định ở mức 2,47% mặc dù trái phiếu VAMC tăng nhẹ.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 20% trong 3 tháng qua, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 1,2 lần, thấp hơn 2% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024 vào ngày 29/10/2024

STB công bố KQKD Q3/2024 vững chắc với LNTT đạt 2.752 tỷ đồng, tăng 32% từ mức nền thấp năm ngoài. Tăng trưởng trong kỳ chủ yếu nhờ thu nhập lãi thuần tăng 31% so với cùng kỳ bù đắp thu nhập ngoài lãi giảm 19% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng tăng 45% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 8.094 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ), bằng 70% dự báo năm 2024 và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng vừa phải trong Q3

Trong Q3/2024, tổng dư nợ cho vay của STB tăng trưởng vừa phải 8,9% kể từ đầu năm (tăng 1,8% so với quý trước) đạt 525 nghìn tỷ đồng nhờ tất cả các phân khúc. STB tiếp tục chiến lược đa dạng hóa, tập trung vào khách hàng cá nhân và DNNVV trong khi phát triển cho vay khách hàng doanh nghiệp.

Đối với huy động, tổng vốn huy động tăng trưởng mạnh 11% kể từ đầu năm (tăng 3,5% so với quý trước) đạt 567 nghìn tỷ đồng, trong đó giấy tờ có giá tăng 20% kể từ đầu năm đạt 35 nghìn tỷ đồng. Cho vay LNH giảm 15% kể từ đầu năm xuống 32 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, STB

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	4,851	6,365	31%	16,439	18,433	12%	74%
Thu nhập ngoài lãi	1,076	873	-19%	3,025	2,835	-6%	56%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	720	756	5%	2,032	2,015	-1%	59%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	300	218	-27%	803	831	3%	66%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	16	6	-61%	43	45	5%	122%
Thu nhập thuần khác	30	(111)	-469%	125	(60)	-148%	-18%
Lợi nhuận từ các khoản góp vốn mua cổ phần	10	4	-64%	22	4	-83%	19%
Tổng thu nhập HĐ	5,927	7,238	22%	19,465	21,267	9%	71%
Chi phí HĐ	(3,015)	(3,287)	9%	(9,480)	(10,831)	14%	80%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,912	3,950	36%	9,984	10,436	5%	63%
Chi phí dự phòng	(827)	(1,199)	45%	(3,144)	(2,342)	-26%	48%
LNTT	2,085	2,752	32%	6,840	8,094	18%	70%
Lợi nhuận thuần	1,635	2,201	35%	5,460	6,489	19%	70%

Nguồn: STB, HSC

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn vẫn ổn định ở mức 17,7%, giảm nhẹ từ 18,8% tại thời điểm cuối Q2/2024.

Tỷ lệ NIM vẫn ổn định

Tỷ lệ NIM Q3 giảm nhẹ - giảm 5 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 7 điểm cơ bản so với cùng kỳ - xuống 3,65%, do lãi suất cho vay giảm 7 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 219 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 7,55% và chi phí huy động giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 225 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 4,11%. Thời gian tới, tỷ lệ NIM dự kiến sẽ tăng kể từ năm 2025 nhờ nhu cầu tín dụng khởi sắc và tài sản tồn đọng không còn ảnh hưởng tới KQKD. Mục tiêu dài hạn của STB là duy trì tỷ lệ NIM ở mức 4-4,2%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, thu nhập lãi thuần tăng 12% so với cùng kỳ đạt 18.433 tỷ đồng, bằng 74% dự báo cả năm 2024 và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi sụt giảm do lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm và lỗ khác

Thu nhập ngoài lãi giảm 19% so với cùng kỳ trong Q3/2024 xuống 873 tỷ đồng, chủ yếu do lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 27% so với cùng kỳ xuống 218 tỷ đồng và lỗ khác 111 tỷ đồng (so với lãi 30 tỷ đồng trong Q3/2023). Tuy nhiên, lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 5% so với cùng kỳ đạt 756 tỷ đồng, nhiều khả năng nhờ sự hồi phục của dịch vụ thanh toán và phí bancassurance.

Chi phí hoạt động tăng nhẹ

Tổng chi phí hoạt động tăng vừa phải 9% so với cùng kỳ nhưng giảm 18% so với quý trước xuống 3.287 tỷ đồng trong Q3/2024. Đóng góp chính bao gồm chi phí tiền lương tăng 23% so với cùng kỳ lên 1.967 tỷ đồng, trong khi chi phí liên quan đến tài sản tăng 3% so với cùng kỳ lên 675 tỷ đồng. Số lượng nhân viên vẫn ổn định ở mức 18.215 người.

Hệ số CIR hàng quý cải thiện đáng kể, hạ nhiệt xuống 45,4% từ 55,9% trong Q2/2024. Hệ số CIR trong 9 tháng đầu năm 2024 là 50,9%, cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi.

Chất lượng tài sản vẫn ổn định

Tỷ lệ nợ xấu của STB tăng nhẹ lên 2,47% trong Q3/2024 (từ 2,43% trong Q2/2024) với tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 0,72% từ 0,7%. Hệ số LLR tăng lên 75% vào cuối Q3/2024 từ 70% vào cuối Q2/2024. Chi phí dự phòng tăng mạnh 45% so với cùng kỳ lên 1.199 tỷ đồng, từ đó làm chi phí tín dụng tăng lên 0,95% từ 0,38% trong Q2/2024 và 0,73% trong Q3/2023.

Tài sản tồn đọng của STB cũng tăng lên 2,8 nghìn tỷ đồng từ 1,9 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2024 (Bảng 2), trong đó 1,5 nghìn tỷ đồng là trái phiếu VAMC và 1,3 nghìn tỷ đồng là các khoản phải thu chưa trích lập dự phòng. Chúng tôi cho rằng việc số dư trái phiếu VAMC tăng lên không tác động đáng kể tới quá trình tái cấu trúc của Ngân hàng. Trong khi đó, “các khoản phải thu liên quan dịch vụ thanh toán hỗ trợ điện tử” (chúng tôi trước đó đánh giá là gánh nặng tài sản tồn đọng) có vẻ đã được xử lý trong quý này, với mức giảm 10,5 nghìn tỷ đồng trên tổng các khoản phải thu. Quá trình tái cấu trúc có vẻ sắp hoàn thành với tài sản tồn đọng hiện chỉ còn chiếm 0,39% tổng tài sản của STB.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC vẫn giữ nguyên quan điểm STB sẽ hoàn thành tái cơ cấu vào giữa năm 2025 và dự báo lợi nhuận của Ngân hàng trong năm 2024 sẽ tăng trưởng 37% với hệ số ROE đạt 21%. Giá cổ phiếu đã tăng 20% trong 3 tháng qua phản ánh tiến độ tái cấu trúc của Ngân hàng, theo quan điểm của chúng tôi. Từ đó, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 1,2 lần, thấp hơn 2% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Thanh lý tài sản tồn đọng tính đến cuối Q3/2024, STB

Tỷ đồng	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Trái phiếu VAMC thuần	3,887	1,830	1,401	623	1,482
Lãi phải thu	0	0	0	0	0
Các khoản phải thu	1,846	1,846	1,569	1,292	1,292
Quy mô tài sản tồn đọng	5,734	3,676	2,970	1,914	2,774
% tổng tài sản	0.88%	0.55%	0.43%	0.27%	0.39%
Các khoản phải thu liên quan đến dịch vụ thanh toán	19,748	32,149	23,033	9,566	-

Nguồn: STB, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	37,391	55,927	53,176	59,932	68,144
Chi phí lãi	(20,244)	(33,855)	(28,173)	(30,660)	(34,194)
Thu nhập lãi thuần	17,147	22,072	25,003	29,271	33,949
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5,194	2,618	3,431	4,543	5,808
Lãi thuần HĐ KDNH	1,062	1,100	1,264	1,454	1,672
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(20.0)	33.8	37.2	40.9	45.0
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	12.5	22.8	20.0	20.0	20.0
Thu nhập khác	2,745	327	331	324	315
Tổng thu nhập HĐ	26,141	26,173	30,087	35,654	41,809
Chi phí HĐ	(10,964)	(12,890)	(13,542)	(15,255)	(16,897)
LN trước dự phòng	15,177	13,283	16,546	20,399	24,912
Chi phí dự phòng	(8,838)	(3,688)	(4,903)	(4,417)	(4,115)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	6,339	9,595	11,643	15,982	20,797
Chi phí thuế TNDN	(1,298)	(1,876)	(2,329)	(3,196)	(4,159)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	5,041	7,719	9,314	12,786	16,637
EPS (đồng)	2,674	4,094	4,941	6,782	8,825
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7,850	7,545	8,044	9,696	10,226
Tiền gửi tại NHNN	12,286	12,848	12,123	11,226	13,011
Tiền gửi tại các TCTD khác	25,294	50,333	54,360	58,708	63,405
Chứng khoán kinh doanh	103	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	110	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	432,998	475,169	543,086	614,216	694,807
Tổng dư nợ cho vay	438,628	482,731	550,313	621,854	702,695
Dự phòng rủi ro	(5,630)	(7,562)	(7,227)	(7,638)	(7,889)
Chứng khoán đầu tư	68,844	74,636	82,877	99,472	119,386
CK đầu tư sẵn sàng để bán	27,896	22,563	28,433	34,118	40,941
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	55,552	66,689	69,150	80,060	93,151
Dự phòng rủi ro	(14,604)	(14,616)	(14,706)	(14,706)	(14,706)
Đầu tư dài hạn	88.8	82.6	82.6	82.6	82.6
Tài sản cố định	7,548	7,269	7,488	7,712	7,944
Tài sản khác	36,874	46,506	36,998	35,149	32,223
Tổng tài sản	591,994	674,390	745,059	836,262	941,084
Nợ phải trả	553,367	628,656	690,412	769,469	860,149
Tiền gửi của NHNN	9,901	19.3	20.3	21.3	22.4
Tiền gửi của các TCTD khác	28,430	37,950	37,950	45,540	54,648
Tổng tiền gửi KH	454,740	510,744	574,587	646,411	730,444
Trái phiếu và CCTG	25,820	28,992	30,442	31,964	33,562
Nợ khác	34,235	50,535	46,997	45,118	41,057
Vốn chủ sở hữu	38,627	45,734	54,647	66,793	80,935
Vốn điều lệ	18,852	18,852	18,852	18,852	18,852
Thặng dư vốn cổ phần	1,749	1,749	1,748	1,748	1,748
Lợi nhuận giữ lại	13,972	20,387	27,551	37,779	49,425
Quỹ & vốn khác của CSH	4,054	4,746	6,497	8,414	10,910
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	591,994	674,390	745,059	836,262	941,084
BVPS (đồng)	20,489	24,259	28,987	35,430	42,931

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.6	13.9	10.5	12.2	12.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	13.1	10.1	14.0	13.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	6.40	12.3	12.5	12.5	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	7.15	12.3	12.1	12.1	12.6
Tăng trưởng VCSH (%)	12.7	18.4	19.5	22.2	21.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	43.3	28.7	13.3	17.1	16.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.6	17.6	5.06	12.7	10.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	92.7	(12.5)	24.6	23.3	22.1
Tăng trưởng LNTT (%)	44.1	51.4	21.3	37.3	30.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	47.8	53.1	20.7	37.3	30.1
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.70	4.13	4.24	4.51	4.70
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.97)	(2.04)	(1.91)	(1.93)	(1.90)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.6	92.4	93.3	94.7	95.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.42	1.35	1.48	1.67	1.87
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	9.12	14.0	16.8	23.1	30.1
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.0	8.50	7.04	5.13	3.94
P/B (lần)	1.70	1.43	1.20	0.98	0.81
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	19.3	29.5	31.0	35.9	39.8
ROAA (%)	0.91	1.22	1.31	1.62	1.87
ROAE (%)	13.8	18.3	18.6	21.1	22.5
Chi phí huy động BQ (%)	4.12	6.17	4.62	4.49	4.43
Lợi suất góp BQ (%)	7.34	9.56	8.03	8.01	8.04
Lợi suất thuần (%)	3.22	3.39	3.41	3.52	3.61
Tỷ lệ NIM (%)	3.36	3.77	3.78	3.91	4.01
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	19.9	10.0	11.4	12.7	13.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	65.6	84.3	83.1	82.1	81.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	34.4	15.7	16.9	17.9	18.8
Tỷ lệ CIR (%)	41.9	49.2	45.0	42.8	40.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.49	9.27	9.21	9.44	9.92
VCSH/Tổng TS (%)	6.52	6.78	7.33	7.99	8.60
Đòn bẩy vốn (lần)	15.3	14.7	13.6	12.5	11.6
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.98	2.28	1.90	1.60	1.30
Hệ số LLR (%)	131	68.8	69.1	76.8	86.4
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	96.5	94.5	95.8	96.2	96.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	5.59	6.57	5.90	6.29	6.68
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	74.1	71.6	73.9	74.4	74.7
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	18,436	19,358	20,326	21,342	22,409

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn